

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST.

Ngày: 04/6/ 2018.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 78/2017/TLST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V (Viết tắt là AGRIBANK).

Địa chỉ: Số 18 Trần Hữu D, quận N, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K- Chủ tịch Hội đồng thành viên AGRIBANK.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B- Giám đốc Phòng giao dịch Đ thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh thị xã S. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H- sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu phố thị trấn Q, huyện T, Thành phố H. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị N- sinh năm 1966.

ĐKHKT: Khu phố thị trấn Q, huyện T, Thành phố H.

Nơi cư trú: Xóm C, xã H, huyện T, Thành phố H. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Mai H 1- sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 409 phường Q, thành phố T, tỉnh T. Vắng mặt.

Nguyễn Thị P- sinh năm 1993, Nguyễn Thị Hằng N 1- sinh năm 1997, Nguyễn Thị Thúy H 2- sinh năm 2001, Nguyễn Hải L- sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: Khu phố thị trấn Q, huyện T, Thành phố H. Đều vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của các cháu Nguyễn Thị Thúy H 2, Nguyễn Hải L: Bà Phan Thị N- sinh năm 1966, là mẹ cháu Nguyễn Thị Thúy H 2, Nguyễn Hải L.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Mai H 1 và chị Nguyễn Thị Hằng N 1: Bà Phan Thị N- sinh năm 1966, là mẹ chị Nguyễn Thị Mai H 1 và chị Nguyễn Thị Hằng N 1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2017 và các văn bản tiếp theo, ông Nguyễn Thanh B là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/7/2005, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V- Chi nhánh Thị xã S- Phòng giao dịch Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn H (Người đại diện hộ gia đình) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2203 LAV 200807355 và Phụ lục hợp đồng ngày 27/7/2005. Theo các hợp đồng này, Ngân hàng cho gia đình ông Nguyễn Văn H vay số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), theo phương thức cho vay từng lần, lãi suất vay cố định tại thời điểm nhận nợ là 1,15%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay vốn: Xây dựng chuồng trại, chăn nuôi bò vỗ béo; sản xuất bánh quy, bánh xốp, bánh nướng, bánh dẻo, bánh mì. Hạn trả cuối cùng vào ngày 27 tháng 7 năm 2006.

Trong hợp đồng còn thỏa thuận: Khi đến kỳ trả nợ hoặc kết thúc thời hạn cho vay, nếu bên vay trả nợ không đúng hạn gốc, lãi và không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, lãi hoặc không được gia hạn nợ gốc, lãi thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế sang nợ quá hạn và bên vay phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 1,725%/tháng so với lãi suất vay đã thỏa thuận. Khi vay tiền ngân hàng, bà Phan Thị N là vợ ông Nguyễn Văn H đã ký thừa kế khoản tiền vay. Bà Phan Thị N là chủ hộ kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 03F801548 ngày 28/11/2005.

Để thế chấp cho khoản vay trên, ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N đã thế chấp tài sản của gia đình mình để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, cụ thể tài sản thế chấp gồm có: Nhà ở 3 tầng diện tích sử dụng 210m² và toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất ở tại khu phố Q, huyện T, thành phố H; diện tích đất ở là 89,4m². Giấy tờ thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S070763 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/01/2003, đứng tên Hộ ông Nguyễn Văn H. Hợp đồng thế chấp tài sản trên được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q ngày 27/7/2005.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, ông H và bà N có gặp khó khăn và xin gia hạn nợ, Ngân hàng đã duyệt cho gia hạn nợ đến ngày 27/01/2007, nhưng ông H và bà N không chấp hành trả lãi và gốc theo quy định. Ngân hàng đã có nhiều biên bản đôn đốc nợ, ông H và bà N cũng đã nhiều lần cam kết trả nợ nhưng không thực hiện. Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Ngân hàng đã khởi kiện đòi nợ tại Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất. Quá trình vay vốn, ông H và bà N đã trả lãi cho Ngân hàng được số tiền là 37.370.000đ (Ba mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Tính đến ngày 26/3/2018, ông H và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), tổng tiền lãi là: 1.127.781.250đ (Một tỷ một trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng), gồm: Lãi Trong hạn: 760.442.500đ; lãi quá hạn: 367.338.750 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 1.577.781.250đ (Một tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ghi nhận nguyện vọng của gia đình ông H bà N muốn được Ngân hàng xem xét giảm số tiền nợ lãi và cũng là thể hiện thiện chí của Ngân hàng muốn tạo điều kiện để gia đình ông H có thể trả được hết số nợ vay nên Ngân hàng đã áp dụng chính sách miễn giảm lãi hiện hành của Agribank, điều chỉnh giảm số nợ lãi cho khách hàng theo mức lãi suất 7%/năm. Ngân hàng đã thông báo cho ông H và bà N biết số nợ tính đến ngày 16/5/2018, tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn: 488.565.000đ; lãi quá hạn: 87.198.750 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 1.025.763.750đ (Một tỷ không trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Căn cứ vào số lãi phát sinh từ sau ngày 16/5/2018 thì tính đến ngày 04/6/2018 ông H và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc: 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn: 490.227.500đ (Bốn trăm chín mươi triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng), lãi quá hạn: 87.198.750đ (Tám mươi bảy triệu một trăm chín tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi là: 1.027.426.250đ (Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N phải trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi là 1.027.426.250đ (Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) và tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 05/6/2018 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Nếu ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên theo phán quyết của Tòa án thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của khoản vay để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hoặc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của gia đình ông H, bà N với Ngân hàng. Nếu số tiền thu

được từ bán hoặc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì gia đình ông H, bà N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Tại văn bản ngày 05/01/2018 và các văn bản tiếp theo, bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và vợ ông là Phan Thị N có đăng ký hộ kinh doanh cá thể và trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đứng tên bà Phan Thị N là chủ hộ. Ông công nhận ngày 27/7/2005, ông với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V- Chi nhánh thị xã S- Phòng giao dịch Đ (Gọi tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng tín dụng số LAV 200807355 và Phụ lục hợp đồng ngày 27/7/2005. Căn cứ vào các hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông vay số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay và lãi suất như Ngân hàng trình bày là đúng. Theo hợp đồng tín dụng thì khoản vay của vợ chồng ông tại Ngân hàng có mức lãi suất quá hạn cố định là 1,725%/tháng. Lãi suất này không thay đổi theo thời hạn.

Mục đích vay: Xây dựng chuồng trại, chăn nuôi bò vỗ béo, sản xuất bánh quy, bánh dẻo, bánh nướng, bánh xốp.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay trên: Ông và bà Phan Thị N đã thế chấp với Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất và nhà xây dựng trên đất, thuộc thửa đất số 190, tờ bản đồ số 10, diện tích 89,4m² loại đất ở. Địa chỉ thửa đất: Khu phố thị trấn Q, huyện T, thành phố H, đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S070763 ngày 20/01/2003 đứng tên Hộ ông Nguyễn Văn H. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 27/7/2005, có chứng thực của UBND thị trấn Q.

Quá trình vay vốn, vợ chồng ông có trả lãi cho Ngân hàng được số tiền là 37.370.000đồng.

Theo thông báo của Ngân hàng, tính đến ngày 26/3/2018, ông và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), lãi Trong hạn: 760.442.500đồng; lãi quá hạn: 367.338.750 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 1.577.781.250đ (Một tỷ năm trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm tám một nghìn hai trăm năm mươi đồng). Ông công nhận số nợ trên của Ngân hàng là đúng, nhưng do kinh tế gia đình khó khăn nên bà N có đơn xin giảm tiền lãi và đã được Ngân hàng chấp nhận. Theo thông báo kết quả sau giảm lãi của Ngân hàng, tính đến ngày 16/5/2018, ông và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn: 488.565.000đồng; lãi quá hạn: 87.198.750 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 1.025.763.750đ (Một tỷ không trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Ông nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi trên và trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/5/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng. Ông đề nghị Ngân hàng gia hạn cho vợ chồng ông trong thời hạn

03 tháng để bán tài sản thế chấp trả nợ Ngân hàng. Nếu hết thời hạn 03 tháng ông bà không bán được tài sản thì Ngân Hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông và bà N để thu hồi nợ.

Tại văn bản ngày 08/01/2018 và các văn bản tiếp theo, bà Phan Thị N trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn H, bà và ông H có đăng ký Hộ kinh doanh cá thể do bà đứng chủ hộ. Bà công nhận ngày 27/7/2005, ông H đại diện vợ chồng bà cùng với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V- Chi nhánh thị xã S- Phòng giao dịch Đ (Gọi tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng tín dụng số LAV 200807355 và phụ lục hợp đồng ngày 27/7/2005. Căn cứ vào các hợp đồng trên, ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng bà vay số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay và lãi suất được quy định rõ trong hợp đồng tín dụng như Ngân hàng trình bày là đúng. Theo hợp đồng tín dụng thì khoản vay của vợ chồng bà tại Ngân hàng có mức lãi suất quá hạn cố định là 1,725%/tháng. Lãi suất này không thay đổi theo thời hạn. Mục đích vay: Xây dựng chuồng trại, chăn nuôi bò vỗ béo, sản xuất bánh quy, bánh dẻo, bánh nướng, bánh xốp, nhằm phát triển kinh tế chung của gia đình.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay trên: Bà và ông H đã thế chấp với Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất và nhà xây dựng trên đất, thuộc thửa đất số 190, tờ bản đồ số 10, diện tích 89,4m² loại đất ở. Địa chỉ thửa đất: Khu phố, thị trấn Q, huyện T, thành phố H, đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S070763 ngày 20/01/2003 đứng tên Hộ ông Nguyễn Văn H. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 27/7/2005, có chứng thực của UBND thị trấn Q.

Quá trình vay vốn, vợ chồng bà có trả tiền lãi cho Ngân hàng được số tiền là 37.370.000đồng.

Thời gian vừa qua bà có đơn xin miễn giảm tiền lãi và đã được Ngân hàng giảm cho một phần tiền lãi. Theo thông báo của Ngân hàng, tính đến ngày 16/5/2018 bà và ông H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn: 488.565.000đồng; lãi quá hạn: 87.198.750 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 1.025.763.750đ (Một tỷ không trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Bà công nhận số tiền nợ trên theo thông báo của Ngân hàng. Bà nhận trách nhiệm cùng ông H trả nợ Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi trên nhưng xin được trả nợ dần. Bà xin được giữ lại đất nhà đã thế chấp để lấy chỗ cho các con sinh sống.

Bà là người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Hải L, Tòa án có yêu cầu bà đưa cháu L đến để Tòa án ghi ý kiến trình bày, nhưng cháu L còn nhỏ, đang đi học, vì không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của cháu L nên bà không đồng ý để Tòa án

ghi ý kiến của cháu L. Bà nhận trách nhiệm đối với quyền và lợi ích hợp pháp của cháu L trong vụ án.

Tại văn bản ngày 18, ngày 19 tháng 01 năm 2018 và ngày 21 tháng 3 năm 2018, các chị Nguyễn Thị Mai H1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Hằng N1 và Nguyễn Thị Thúy H2 trình bày:

Các chị là con của ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N. Thời điểm năm 2005, ông H và bà N ký hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Ngân hàng thì các chị đang là học sinh, sống phụ thuộc vào bố mẹ nên các chị không tham gia vào việc vay vốn của bố mẹ. Mục đích bố mẹ vay vốn là để phát triển kinh tế chung của gia đình. Để đảm bảo cho khoản vay thì bố mẹ các chị có thể chấp đất nhà của gia đình với Ngân hàng. Quá trình làm ăn do thua lỗ nên bố mẹ các chị không trả nợ được Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ, các chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông H bà N được trả nợ dần tiền gốc, còn tiền lãi thì xin Ngân hàng cho miễn toàn bộ, được như vậy thì các chị nhận trách nhiệm cùng bố mẹ để trả nợ Ngân hàng. Các chị không đồng ý việc Ngân hàng đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Vì gia đình các chị chỉ có duy nhất đất nhà này để lấy chỗ sinh sống cho bố mẹ và chị em các chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 122, 281, 290, 302, 305, 342, 343, 344, 351, 355, 471, 473, 474, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Các điều 54, 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, được sửa đổi bổ sung năm 2004; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/12/2017, Tòa nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án số 78/2017/TLST-KDTM, giữa nguyên đơn là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V, bị đơn là ông Nguyễn Văn H, trú tại: Thị trấn Q, huyện T, Thành phố H và yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng với ông H. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thạch Thất, có đăng ký hộ kinh doanh cá thể, nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều

39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Ông Nguyễn Văn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Bà Phan Thị N là đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị Thúy H2 và Nguyễn Hải L, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Mai H1 và chị Nguyễn Thị Hằng N1. Bà N và chị Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 04/6/2018 là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), thấy:

Ngày 27/7/2005, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V- Chi nhánh thị xã S- Phòng giao dịch Đ (Gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Văn H đã ký Hợp đồng tín dụng số LAV 200807355. Căn cứ vào phụ lục hợp đồng ngày 27/7/2005 thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông H vay số tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N công nhận đã sử dụng số tiền vay trên để phát triển kinh tế chung của gia đình.

Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng trên đều do hai bên ký kết tự nguyện, đúng pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật đối với các bên.

Quá trình vay vốn ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N chưa trả đồng tiền gốc nào cho Ngân hàng. Như vậy, tính đến ngày 04/6/2018, ông H và bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà N cũng xác nhận khoản nợ gốc này tại Ngân hàng. Vậy, Ngân hàng yêu cầu ông H và bà N trả nợ số tiền gốc trên là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bị đơn trả khoản nợ lãi, thấy:

Trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên đều có thỏa thuận mức lãi suất 1,15%/tháng tại thời điểm vay và lãi suất nợ quá hạn cố định là 1,725%/tháng. Xét mức lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận là phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng, nên Ngân hàng yêu cầu ông H và bà N trả tiền lãi là có căn cứ được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, do bà N xin miễn giảm tiền lãi và đã được Ngân hàng chấp nhận giảm cho một phần tiền lãi bằng biện pháp giảm mức lãi suất xuống mức 7%/năm. Ngân hàng và bà N, ông H thống nhất tính đến ngày 16/5/2018, ông H và bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền lãi là: 575.763.750đ (Năm trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng), gồm: Lãi trong hạn: 488.565.000đồng; lãi quá hạn: 87.198.750 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình, tính đến ngày 04/6/2018, tổng số tiền lãi ông H bà N phải trả Ngân hàng là 577.426.250đ (Năm trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng), gồm lãi trong hạn: 490.227.500đ (Bốn trăm chín mươi triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng), lãi quá hạn: 87.198.750đ (Tám mươi bảy triệu một trăm chín tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Ông H và bà N phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 05/6/2018 đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo của khoản vay:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 27/7/2005, được giao kết bởi các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đã được chứng thực tại UBND thị trấn Q, huyện T, Thành phố H. Nội dung hợp đồng do các bên tự nguyện xác lập phù hợp với các quy định của pháp luật. Tại Điều 3 của hợp đồng thế chấp trên đã xác định tài sản thế chấp là thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp. Nghĩa vụ được bảo đảm của tài sản thế chấp bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên vay tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng. Theo điều 4 của hợp đồng thế chấp trên qui định: Ngân hàng phát mại tài sản khi hộ vay có nợ quá hạn. Sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự về việc bảo đảm. Vì vậy, trường hợp ông H bà N không trả được nợ thì quyền sử dụng đất và các tài sản xây dựng trên đất, thuộc thửa đất số 190, tờ bản đồ số 10, diện tích là 89,4m², loại đất ở; địa chỉ thửa đất: Khu phố thị trấn Q, huyện T, Thành phố H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 070763, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00416/QSDĐ/21/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/01/2003, chủ sử dụng đất là Hộ ông Nguyễn Văn H; căn cứ pháp lý là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, được chứng thực tại UBND thị trấn Q ngày 27/7/2005, sẽ được kê biên, phát mại để bảo đảm thi hành án là phù hợp với các điều 54, 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, được sửa đổi bổ sung năm 2004; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Điều 280, Điều 281, Điều 290, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 355, Điều 715, Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Về án phí: Do các yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền 1.027.426.250 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 122, 280, 281, 290, 302, 305, 342, 343, 344, 351, 355, 471, 473, 474, 715, 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 54, 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997, được sửa đổi bổ sung năm 2004; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; các điều 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 04/6/2018 còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 2203 LAV 200807355 ngày 27/7/2005 và Phụ lục hợp đồng ngày 27/7/2005 là 1.027.426.250đ (Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Trong đó: Tiền gốc là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn: 490.227.500đ (Bốn trăm chín mươi triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng), lãi quá hạn: 87.198.750đ (Tám mươi bảy triệu một trăm chín tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày 05/6/2018, ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản xây dựng trên đất, thuộc thửa đất số 190, tờ bản đồ số 10, diện tích là 89,4m², loại đất ở; địa chỉ thửa đất: Khu phố thị trấn Q, huyện T, Thành phố H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 070763, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00416/QSĐĐ/21/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 20/01/2003, chủ sử dụng đất là Hộ ông Nguyễn Văn H; căn cứ pháp lý là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, được chứng thực tại UBND thị trấn Q ngày 27/7/2005.

3. Án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị N phải chịu 42.822.000đ (Bốn mươi hai triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V- Chi nhánh thị xã S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.400.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000662

ngày 22/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Ngọc Sơn